

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/DS-PT
Ngày 26 - 9 - 2024
Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Thẩm phán: bà Tòng Thị Hiền, ông Đỗ Tuấn Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Sòi Ngọc An Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 38/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Duy Đ, sinh năm 1958 và bà Bùi Thị O, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Quàng Văn H, sinh năm 1979 và bà Quàng Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Người kháng cáo:** Ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị T - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đào Duy Đ, bà Bùi Thị O trình bày như sau:

Ngày 19/5/2015 gia đình bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ có bán cho vợ chồng ông Quàng Văn H và vợ là bà Quàng Thị T 01 chiếc máy xúc trị giá 650.000.000đ, thỏa thuận hàng tháng thanh toán 30.000.000đ tiền gốc, lãi suất tính bằng lãi suất ngân hàng, 03 tháng thanh toán 1 lần, hạn trong vòng 02 năm

thanh toán đủ cả gốc lẫn lãi. Từ đó đến nay mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng gia đình ông H bà T vẫn không thanh toán số tiền gốc và lãi mua máy xúc cho ông bà. Nay ông bà yêu cầu ông H, bà T phải thanh toán toàn bộ số nợ tiền mua máy xúc tiền gốc 650.000.000đ và tiền lãi từ năm 2015 đến nay như sau: Năm 2015 lãi suất 10%/năm cho 7 tháng 11 ngày số tiền lãi là 39.902.000đ, năm 2016 lãi suất 10%/năm số tiền lãi là 65.000.000đ, năm 2017 lãi suất 10%/năm số tiền lãi là 65.000.000đ, năm 2018 lãi suất 10%/năm số tiền lãi là 65.000.000đ, năm 2019 lãi suất 8,5%/năm số tiền lãi là 55.250.000đ, năm 2020 lãi suất 8,5%/năm số tiền lãi là 52.250.000đ, năm 2021 lãi suất 8%/năm số tiền lãi là 51.000.000đ, năm 2022 lãi suất 8%/năm số tiền lãi là 51.000.000đ, năm 2023 lãi suất 9,5%/năm số tiền lãi là 48.470.000đ. Tổng số tiền cả gốc lẫn lãi ông T bà H phải trả cho vợ chồng ông bà là **1.145.800.000đ** (lãi suất thỏa thuận dựa trên lãi suất ngân hàng B tại địa phương).

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Quảng Văn H, bà Quảng Thị T trình bày như sau:*

Năm 2015 vợ chồng ông bà có thỏa thuận với ông Đào Duy Đ, bà Trịnh Thị O1 cùng nhau mua máy xúc để hợp tác làm ăn, quá trình làm ăn không hiệu quả nên hai bên đã thỏa thuận thống nhất ông Đ, bà O1 chuyển nhượng máy xúc lại cho vợ chồng ông với giá 650.000.000đ, lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng, việc chuyển nhượng và thỏa thuận thanh toán có lập thành văn bản hai bên cùng ký kết. Từ đó đến nay ông H bà T đã trả được cho ông Đ, bà O1 140.000.000đ, việc trả nợ có ghi sổ và ký nhận giữa hai bên. Do làm ăn khó khăn nên ông bà chưa có điều kiện để trả số nợ mua máy xúc theo đúng thỏa thuận. Nay ông Đ bà O1 khởi kiện ông bà ra Tòa ông bà không thắc mắc gì về số tiền gốc và lãi tuy nhiên xin trả số nợ trên bằng tài sản là quyền sử dụng 01 mảnh đất tại khu B, xã V, huyện Y và 01 mảnh đất tại bản N, xã S, huyện Y cho ông Đ bà O1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các buổi hòa giải ngày 06/12/2023 và ngày 20/12/2023 ông Quảng Văn H, bà Quảng Thị T vắng mặt không có lý do và chỉ gửi các văn bản ý kiến cho Tòa án, đồng thời ủy quyền cho ông Quảng Văn T1 trú tại: Bản N, xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Tại buổi hòa giải ngày 13/3/2024 hai bên đã thống nhất ông T bà H còn nợ ông Đ bà O1 số tiền mua máy xúc còn lại là 1.005.800đ (cả gốc lẫn lãi) nhưng không thống nhất được phương thức thanh toán nợ bằng tiền mặt hay tài sản. Nguyên đơn ông Đ bà O1 không đồng ý với việc bị đơn đề nghị trả nợ tiền mua máy xúc bằng quyền sử dụng đất, do 02 mảnh đất tại khu B, xã V, huyện Y và mảnh đất tại bản N, xã S, huyện Y ông H bà T không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bên không thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án, hòa giải không thành, đồng thời bị đơn xin được thu thập và giao nộp thêm chứng cứ đòi trừ nợ.

Ngày 25/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Yên Châu có thông báo yêu cầu giao nộp bổ sung chứng cứ đối với bị đơn. Ngày 15/4/2024 đồng bị đơn có văn bản ý kiến về việc cung cấp chứng cứ với nội dung: Vào tháng 10/2016 bà Lê Thị H1 địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Y, huyện Y là chủ đại lý xe máy có mua đất và

nợ tiền của bị đơn nên đã đồng ý giao 03 chiếc xe máy hiệu Yamaha cho đồng bị đơn để trừ nợ, sau đó bà Bùi Thị O đã lấy 1 trong 3 chiếc xe trên trị giá 35.000.000đ tại cửa hàng bà Lê Thị H1 và sử dụng cho đến nay. Giữa hai bên chưa tính tiền hay làm giấy tờ gì đối với chiếc xe này. Nay bị đơn đề nghị Tòa án xác minh và đối trừ vào nghĩa vụ trả nợ nguyên đơn của bị đơn.

Tại bản tự khai ngày 20/4/2024 và ngày 18/6/2024 của đồng nguyên đơn công nhận việc vào tháng 10/2016 vợ chồng ông Đ bà O có nhận 01 chiếc xe hãng Y hiệu Jupiter màu đỏ đen của ông H bà T tại cửa hàng xe máy Hoa Đ1 và sử dụng cho đến nay, hai bên chưa làm bất kỳ giấy tờ gì đối với chiếc xe máy trên, đồng nguyên đơn đồng ý khấu trừ giá của chiếc xe máy 35.000.000đ vào nghĩa vụ trả nợ của đồng bị đơn và thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc đồng bị đơn phải trả cho vợ chồng mình số tiền nợ mua máy xúc cả gốc lẫn lãi là 970.800.000đ.

*** Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đã xét xử và Quyết định:**

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 430, Điều 433, 434, Điều 440, khoản 1 Điều 278, Điều 280, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ.
2. Buộc Ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị O, ông Đào Duy Đ số tiền nợ mua máy xúc cả gốc và lãi là 970.800.000 VNĐ (*Chín trăm bảy mươi triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bên được thi hành án (ông Đ bà O) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án (ông H bà T) chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì bên phải thi hành án (ông H bà T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 16/7/2024, bị đơn ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân

dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, với lý do: Không đồng ý với toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

* **Tại Tòa án cấp phúc thẩm:** Bị đơn có xuất trình bản photo về giấy chuyển nhượng đất ngày 27/01/2015. Bị đơn cho rằng có sự liên quan trong việc đối trừ nợ với nguyên đơn là 120.000.000 đồng, tuy nhiên không thể hiện rõ ràng để chứng minh liên quan đến vụ án, do đó, không đặt ra xem xét trong vụ án này.

- Ý kiến tranh luận của nguyên đơn ông Đào Duy Đ, bà Bùi Thị O: Không nhất trí đối với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến tranh luận của bị đơn ông Quảng Văn H, bà Quảng Thị T: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện đã hết; căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định "...Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện". Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là không chính xác, cần xác định lại quan hệ pháp luật là K đòi tài sản. Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí 48.540.000 đồng là không chính xác. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của bị đơn, cần chấp nhận về hình thức và một phần về nội dung. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu về quan hệ pháp luật, số tiền phải trả và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Buộc bị đơn ông, bà H T phải thanh toán cho nguyên đơn ông, bà Đ O số tiền là 475.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 23.000.000 đồng. Nguyên đơn được miễn án phí do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật – thời hiệu:

Giữa ông Đ, bà O và ông H, bà T có Giấy chuyển nhượng máy xúc được xác lập ngày 19/5/2015 là có thật, với số tiền là 650.000.000 đồng với lãi suất

ngân hàng, số tiền trên được thỏa thuận trả trong vòng 02 năm, thời gian tính từ ngày 30/5/2015.

Hai bên đã trả cho nhau ngày 30/6/2015 trả 30.000.000 đồng vào tiền gốc, ngày 09/8/2015 tiếp tục trả 30.000.000 đồng vào tiền gốc, ngày 07/3/2016 trả 80.000.000 đồng vào tiền gốc (có giấy biên nhận tiền) và tháng 10/2016 trả 1 xe máy trị giá là 35 triệu được khấu trừ vào nghĩa vụ trả nợ. Tổng số tiền ông H, bà T2 đã trả cho ông Đ, bà O2 là 175.000.000 đồng.

Quá trình trả nợ ông H, bà T2 không thực hiện đúng theo thỏa thuận hợp đồng, giữa hai bên thực hiện đến tháng 10/2016 và từ thời điểm đó cả 2 bên không phát sinh căn cứ thanh toán nào khác, mặc dù theo nguyên đơn ông Đ, bà O2 có đòi nhiều lần nhưng bị đơn không thanh toán. Ông Đ, bà O2 biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ông bà không bị trở ngại vì sự kiện bất khả kháng nào trong việc khởi kiện nhưng đến ngày 19/10/2023 mới làm đơn khởi kiện và ngày 20/11/2023 Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết. Thời hiệu được tính từ ngày tiếp theo của ngày cuối mà bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán, tức là ngày 31/5/2017. Do đó, xác định thời hiệu khởi kiện đã hết (Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm). Vận dụng, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định "...Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện".

Cấp sơ thẩm căn cứ điều 430, điều 440, điều 357 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" để giải quyết là không đúng do thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng đã hết.

Căn cứ Điều 164, Điều 166, Điều 429 Bộ luật Dân sự, xác định mối quan hệ pháp luật giải quyết là "*Kiện đòi tài sản*".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Quảng Văn H, bà Quảng Thị T có hộ khẩu thường trú, cư trú là bản N, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc giao, gửi bản án sơ thẩm:

Tại phiên tòa sơ thẩm 20/6/2024 nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt. Vào hồi 17 giờ 10 phút ngày 07/7/2024 Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt bản án sơ thẩm cho ông Quảng Văn P (là anh trai ruột ông H); không có tài liệu, văn bản thể hiện việc giao, nhận bản án đối với nguyên đơn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự "*Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải giao hoặc gửi bản án cho các đương sự...*"; nhưng đến ngày 07/7/2024 Tòa án cấp sơ thẩm mới thực hiện việc giao, gửi bản án là chậm 07 ngày so với quy định mà không có biên bản xác minh, biên bản làm việc hay biên bản niêm yết thể hiện lý do việc giao, gửi bản án chậm. Về nguyên đơn, ông Đ bà O2 đã có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên quyền kháng cáo được thực hiện theo quy định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật

Tổ tụng dân sự thì quyền kháng cáo của ông H, bà T được tính từ ngày nhận được bản án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.4] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị T có đơn kháng cáo; bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định. Nội dung được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn Ông Đ bà O2 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông H, bà T trả nợ theo Giấy chuyển nhượng máy xúc đã ký ngày 30/10/2015 là 1.145.800.000 đồng gốc và lãi, sau đó nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện xuống còn 970.800.000 đồng; Bị đơn đã trả đến tháng 10/2016, tổng số tiền là 175.000.000 đồng. Do đó, việc đối trừ phải được đối trừ trên số nợ gốc, trừ đi số đã trả thì số tiền còn phải trả là 475.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm đối trừ trên tổng số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là không chính xác.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc và lãi là 1.145.800 đồng lãi được tính từ ngày 19/5/2015 là 495.800.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 20/4/2024 và 18/6/2024 đồng nguyên đơn đã thay đổi rút một phần khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả gốc và lãi là **970.800.000 đồng** (Gốc là 650.000.000 đồng + lãi là 320.800.000 đồng).

Căn cứ Điều 166, Điều 429 Bộ luật Dân sự, do thời hiệu khởi kiện đã hết, Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu trả lãi trên của nguyên đơn.

[3] Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên châu, tỉnh Sơn La như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền **475.000.000 đồng**; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 320.800.000 đồng.

[4] Về án phí: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên phần án phí dân sự sơ thẩm được xem xét lại theo quy định.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 khoản 2 Điều 26, Điều 28, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Duy Đ và bà Bùi Thị O được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.832.000 đồng do ông bà là người cao tuổi.

Buộc ông Quàng Văn H và bà Quàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.000.000 đồng.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, nên ông bà H T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 26; điều 28, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận kháng cáo của Bị đơn ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị T.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Duy Đ, bà Bùi Thị O;

Buộc Bị đơn ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị T phải trả cho Nguyên đơn ông Đào Duy Đ, bà Bùi Thị O số tiền là 475.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đào Duy Đ, bà Bùi Thị O được miễn án phí theo quy định do là người cao tuổi.

- Ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*).

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được trả lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000359 ngày 17/7/2024.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (26/9/2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND H.Yên Châu, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS H.Yên Châu, Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Thị Mai Lan